

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 388/2023/HNGĐ-ST;

Ngày: 09-11-2023.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Kim Chi.

Ông Trần Văn Nghiệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Pc Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Quý, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 320/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Thanh T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 80/2A T, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của chị T về cấp dưỡng: Thái Bình Trần Thị Tường V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 132A N, Phường 3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Tấn P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 80/2A T, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, chị V xin vắng mặt và anh P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn P sống chung vào năm 2016, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình P. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh P lo chơi không chăm lo gia đình, kinh tế gia đình do một mình chị gánh vác, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế trầm trọng từ năm 2019 đến nay không khắc phục được mặc dù chị đã khuyên can anh P rất nhiều lần. Chị và anh P đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn P.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Lê Ngọc M, sinh ngày 16/11/2016, hiện tại cháu đang sống với anh P. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Tấn P trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian và địa điểm kết hôn. Còn về quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 mới phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Nay anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về tình cảm: Anh không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Thanh T.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Lê Ngọc M, sinh ngày 16/11/2016, hiện tại con đang sống với anh. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh không yêu cầu giải quyết con chung. Trường hợp Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T về yêu cầu ly hôn, về yêu cầu nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tấn P cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Ngọc M, sinh ngày 16/11/2016 mỗi tháng 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn P, yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về cấp dưỡng bà Thái Bình Trần Thị Tường V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T và bà Vy.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Tấn P sống chung năm 2016, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T xin ly hôn với anh P với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh P lo chơi không chăm lo gia đình, kinh tế gia đình do một mình chị gánh vác, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế trầm trọng từ năm 2019 đến nay không khắc phục được mặc dù chị đã khuyên can anh P rất nhiều lần, chị T và anh P đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Tại phiên tòa, chị T xin vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh P; anh P không đồng ý ly hôn với chị T vì còn thương chị T nhưng anh P không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm giữa anh chị; mặc khác anh P thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn như chị T trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P là có thật, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Lê Thị Thanh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Lê Ngọc M, sinh ngày 16/11/2016 của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu M đang sống với anh P nhưng anh P đồng ý giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng nên việc chị T yêu cầu được nuôi cháu M là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu M

cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh P.

[3.4] Về tài sản chung: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị T và anh P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Anh Nguyễn Tấn P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T.

Về tình cảm: Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn P.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Ngọc M, sinh ngày 16/11/2016 cho chị Lê Thị Thanh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Nguyễn Tấn P được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tấn P cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Ngọc M, sinh ngày 16/11/2016 mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày chị Lê Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Tấn P không chịu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh P còn phải chịu thêm tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011677 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

Báo đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân